| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU THÀNH**<br>**TỈNH TRÀ VINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 10/2019/HNGD-ST
Ngày: 12-3-2019
V/v "Tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH**

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***: Ông Lê Văn Hùng.

***Thư ký phiên tòa***: Bà Châu Thị Phượng Liên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 12 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 44/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2019 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo thủ tục rút gọn.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 02 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Thông Lưu, xã Hòa Minh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Bà Lâm Thị Bé Ch, sinh năm 1971 (có yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Bãi Vàng, xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S trình bày: Ông với bà Lâm Thị Bé Ch cùng tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 1998. Sau ngày cưới vợ chồng ông sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ ông ghen tuông, thường xuyên cự cãi. Đã một lần ông làm đơn yêu cầu ly hôn nhưng do các con ông còn nhỏ nên rút lại đơn ly hôn. Nay các con ông đã trưởng thành, xét thấy không còn tình cảm với bà Lâm Thị Bé Ch nên ông làm đơn yêu cầu được ly hôn bà Lâm Thị Bé Ch.

- Về con chung: Có hai người con chung là Nguyễn Thị Thanh Ng, sinh ngày 09/12/1998 và Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 12/02/2001; hiện nay

hai con của ông đã trưởng thành và hiện đang sống chung với ông nên ông không có yêu cầu gì về con chung.

- Về tài sản, nợ chung: Ông Nguyễn Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Bị đơn bà Lâm Thị Bé Ch trình bày**:** Bà thống nhất ý kiến của ông Nguyễn Văn S. Sau khi kết hôn vợ chồng bà thường xuyên cự cải, tính tình không hợp, bà và ông S đã sống ly thân với nhau. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Nguyễn Văn S.

- Về con chung: Có hai người con chung là Nguyễn Thị Thanh Ng, sinh ngày 09/12/1998 và Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 12/02/2001; hiện nay hai con của bà đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn bà Lâm Thị Bé Ch, trú tại ấp Bãi Vàng, xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Về con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, về tài sản, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là "Tranh chấp về ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh thụ lý vụ án theo thủ tục rút gọn, nên đã đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định. Tại phiên tòa Thẩm phán đã tiến hành động viên cho bên nguyên đơn có mặt tại phiên tòa đoàn tụ nhưng không thành, nên vụ án được xét xử đúng theo quy định tại Điều 318, 320 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Các vấn đề về hôn nhân, con chung, tài sản, nợ chung giữa ông Nguyễn Văn S với bà Nguyễn Thị Bé Ch điều thống nhất được, không cần phải chứng minh.

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn S với bà Lâm Thị Bé Ch cùng tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới. Theo nguyên đơn, bị đơn trình bày là ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Minh, nhưng ông bà không cung cấp cho Tòa án giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của cơ quan có thẩm quyền. Tòa án nhân dân huyện có công văn hỏi Ủy ban nhân dân xã Hòa Minh việc ông S, bà Ch có đăng ký kết hôn và có được Ủy ban nhân dân xã Hòa Minh đăng ký kết hôn hay không? được Ủy ban nhân dân xã Hòa Minh xác nhận việc không có hồ sơ lưu trữ việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã. Như vậy giữa ông S với bà Bé Ch thuộc trường hợp

không có đăng ký kết hôn. Tại phiên tòa hôm nay mặc dù Thẩm phán đã tiến hành động viên nguyên đơn đoàn tụ với phía bị đơn để chung sống với nhau, nhưng ông S trình bày không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa và không đồng ý đoàn tụ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định "Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng…". Đối chiếu với trường hợp của ông S và bà Bé Ch không có đăng ký kết hôn, chỉ chung sống với nhau như vợ chồng, nay có yêu cầu ly hôn, Tòa án không công nhận ông Nguyễn Văn S và bà Lâm Thị Bé Ch là vợ chồng.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn S với bà Lâm Thị Bé Ch có với nhau hai người con chung là Nguyễn Thị Thanh Ng, sinh ngày 09/12/1998 và Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 12/02/2001. Hiện nay hai con chung của ông S bà Ch đã trưởng thành, ông bà không có yêu cầu gì về con chung, nên không xem xét.

Về tài sản, nợ chung: Ông Nguyễn Văn S và bà Lâm Thị Bé Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 321, 322 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận ông Nguyễn Văn S với bà Lâm Thị Bé Ch là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn S với bà Lâm Thị Bé Ch có với nhau hai người con chung là Nguyễn Thị Thanh Ng, sinh ngày 09/12/1998 và Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 12/02/2001. Hiện nay hai con của ông bà đã trưởng thành, không bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động và tự lo cuộc sống, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản, nợ chung: Ông Nguyễn Văn S và bà Lâm Thị Bé Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn S phải chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là

300.000 đồng theo biên lai thu số 0001733 ngày 12/02/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Hoàn trả cho ông S số tiền án phí còn lại 150.000 đồng.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật.*

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự có mặt tại phiên toà biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hợp lệ.

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu;

**Lê Văn Hùng**